

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH KHÁNH HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/DS-PT

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt các thiết bị vào công trình xây dựng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạng.

*Các Thẩm phán:* Bà Lương Ngọc Yến Anh

Ông Trần Minh Thật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Phiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2025/DS-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt các thiết bị vào công trình xây dựng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS-ST ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐ-PT ngày 15/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐ-PT ngày 27/5/2025; Thông báo thay đổi ngày xét xử số 1869/2025/TB-DS ngày 30/5/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2025/QĐPT-DS ngày 24/6/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2025/TB-DS ngày 23/7/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc Đ; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C (nay là xã C), tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn T1. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Trần Lê X - chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Các ông Hồ Lâm D; Nguyễn Vũ Hải D1; Lê Trần Long V; cùng địa chỉ liên lạc: C, đường T, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Ngọc Tường V1 và ông Nguyễn Hữu K; cùng địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C (nay là xã C), tỉnh Khánh Hòa. (Bà V1 ủy quyền cho ông K có mặt)

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ và bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 08/6/2022 ông Phạm Ngọc Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (*viết tắt là công ty T1*) ký Hợp đồng kinh tế số: 080622-1/NR về việc cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách nhôm kính. Theo Hợp đồng ông Đ đã thanh toán cho công ty T1 70% giá trị hợp đồng (tương đương 785.000.000 đồng). Đổi lại nghĩa vụ của Công ty T1 cung cấp cho ông Đ các sản phẩm có tiêu chuẩn vật liệu, quy cách sản phẩm là hệ nhôm Grober 65 sơn xi màu mạ vàng chanh và phụ kiện CMECH bảo hành 10 năm để trang bị cho công trình nhà ở tại địa chỉ: Quốc lộ A, thôn B, xã C, huyện C (nay là xã C) tỉnh Khánh Hòa của ông Phạm Ngọc Đ. Tuy nhiên, công ty T1 giao hàng không đúng thời hạn, không giao được các sản phẩm hệ nhôm Grober kèm theo các hóa đơn chứng từ và biên bản giao nhận cho bên ông Đ theo quy định tại Điều 3 khoản 3.1 hợp đồng. Thực tế, công ty T1 đã cố tình giao và tự ý lắp đặt loại sản phẩm hệ nhôm S mà không phải là hệ nhôm Grober (*trên trang web chính thức của Công ty T1 đều quảng cáo bán sản phẩm của cả 02 hệ nhôm này và chúng có tiêu chuẩn khác nhau*). Khi thực hiện hợp đồng người đại diện công ty là ông Hồ Lâm D đã cố tình thông tin sai lệch, không trung thực, lừa dối khách hàng. Khi nguyên đơn biết được việc bị đơn đã tự ý lắp đặt sản phẩm hệ nhôm Soco mà không phải nhôm Grober đúng như hợp đồng thì nguyên đơn đã nhiều lần trực tiếp đối thoại, điện thoại, tin nhắn, clip video để thương lượng nhưng không thành. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn dừng lắp đặt và đề nghị tháo dỡ nhưng bị đơn không đồng ý. Nên ngày 12/01/2023, ông Đ đã nhờ cơ quan Thừa phát lại lập vi bằng toàn bộ sản phẩm, hiện trạng hàng hoá mà công ty T1 tập kết tại công trình nhà ông Đại để làm căn cứ chứng minh cho việc sai phạm hợp đồng (*bao gồm các sản phẩm đã lắp đặt được ông Đại tháo ra và các sản phẩm bên bị đơn đã tập kết đến công trình nhà ông Đ nhưng chưa lắp đặt*). Tiếp đến ngày 16/01/2023, ông Đ nhờ cơ quan Thừa phát lại tổng đạt thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng với công ty T1 trực tiếp cho ông Hồ Lâm D là người đại diện, do bên công ty T1 đã vi phạm hợp đồng kinh tế. Bên nguyên đơn cũng đã yêu cầu Tòa án thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định loại sản phẩm đã được lắp đặt, tập kết tại công trình nhà ông Đ có phải là hệ nhôm Grober 65 sơn xi màu mạ vàng chanh và phụ kiện Cmech như hợp đồng đã ký kết hay không. Và kết quả tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2024 là một chứng cứ rõ ràng sản phẩm là nhôm Soco không phải nhôm Grober. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Chấm dứt hợp đồng kinh tế số: 080622-1/NR ngày 08/6/2022 giữa ông Phạm Ngọc Đ với công ty T1;

- Buộc công ty T1 phải trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền đã nhận là: 785.000.000 đồng và chịu phạt vi phạm do chậm giao hàng, giao không đúng chủng loại theo hợp đồng với mức phạt 8% tổng giá trị hợp đồng là  $1.121.864.329đ \times 8\% = 89.749.146$  đồng, (căn cứ điều 3 khoản 3.1, điểm b Hợp đồng các bên ký kết và theo quy định của Pháp luật);

- Buộc bị đơn phải chịu lãi suất 10%/năm trên tổng số tiền  $785.000.000đ + 89.749.146đ = 874.749.146$  đồng, kể từ ngày 16/01/2023 (ngày thông báo chấm dứt hợp đồng) đến ngày xét xử 25/02/2025 với tổng số tiền lãi là 184.685.787đồng; Buộc bị đơn phải thanh toán chi phí phát sinh do ông Đ thuê

người (là ông Phạm P) tháo dỡ sản phẩm số tiền 5.000.000 đồng. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí: bị đơn phải chịu toàn bộ.

Ngoài ra, nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, bởi các căn cứ như sau: Bị đơn cho rằng công ty TNHH G1 đã thông báo không sản xuất sản phẩm nhôm Grober từ ngày 10/6/2022 và đã gửi thông báo này cho ông Đ, điều này đồng nghĩa là không có sản phẩm hệ nhôm Grober. Nguyên đơn xác nhận đã nhận được thông báo ngày 10/6/2022 của Công ty TNHH G1, theo thông báo có nội dung: Công ty sẽ ngưng chạy mặt hàng nhôm xi mạ màu vàng chanh kể từ ngày 10/6/2022. Đối với các đơn hàng đã đặt cọc với công ty trước ngày 10/6/2022 thì công ty vẫn sẽ thực hiện gia công đơn hàng trong phạm vi màu M là 7-10. Như vậy theo thông báo này thì hợp đồng kinh tế giữa hai bên ký ngày 08/6/2022 và nguyên đơn đã giao cho bị đơn 70% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 785.000.000 đồng vào ngày 09/6/2022 nên hợp đồng đã ký kết không bị ảnh hưởng, vẫn thực hiện như cam kết theo hợp đồng.

Ngày 03/12/2022, đại diện công ty T1 là ông Hồ Lâm D đã chỉ đạo nhân viên đưa bản vẽ duyệt mẫu có trang bìa có chữ hạng mục cửa nhôm định hình Grober hệ Soco (màu vàng Champagne) để ông Đ ký vào từng trang. Do ông Đ tin tưởng Công ty thực hiện đúng hợp đồng và bảng báo giá nhôm Grober, đồng thời ông Đ thấy từng trang có chữ Grober hệ Soco nên đã ký xác nhận để sản xuất sản phẩm nhôm Grober. Như vậy, ông D đã gian dối khi đưa thông tin về sản phẩm, lừa dối khách hàng là ông Đ, đã vi phạm hợp đồng kinh tế đã ký ngày 08/6/2022 và bảng báo giá hệ nhôm Grober ngày 07/6/2022. Ông D cũng từng thừa nhận trong việc tư vấn giới thiệu sản phẩm không hết ý.

Về việc, vào ngày 29/6/2022 công ty T1 có mang mẫu mã sản phẩm nhôm đến nhà ông Đ theo ông Đ hiểu là chỉ để ông Đ chọn lại màu nhôm. Ông D cho rằng khi mang mẫu nhôm có tem chữ Soco và đã tư vấn cho ông Đ về mẫu nhôm Soco cũng do cùng nhà máy sản xuất để ông Đ biết và lựa chọn là không đúng. Tuy nhiên, do ông Đ thiếu hiểu biết và tin tưởng ông D nên cứ nghĩ đó là nhôm G. Do đó, việc bị đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải chịu các khoản sau: mất tiền cọc 785.000.000 đồng; thanh toán toàn bộ các hạng mục bên Công ty đã thi công và đã đặt hàng với tổng số tiền 588.574.505 đồng; chịu phạt 8% giá trị hợp đồng:  $1.121.864.329 \text{ đ} \times 8\% = 89.749.146 \text{ đồng}$ ; bồi thường 10% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 112.000.000 đồng chi phí tổn thất tinh thần và chi phí đi lại làm hồ sơ là không có cơ sở, vì bên nguyên đơn không có trách nhiệm bồi thường đối với các sản phẩm đã sản xuất nhưng không đúng với quy cách đã quy định trong hợp đồng (quy định tại Điều 2, khoản 2.5 của hợp đồng).

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ngày 08/6/2022, công ty T1 ký kết với ông Phạm Ngọc Đ hợp đồng kinh tế số: 080622-1/NR về việc cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách nhôm kính; địa chỉ lắp đặt là công trình nhà ở của ông Phạm Ngọc Đ tại Quốc lộ A, thôn B, xã C, huyện C, (nay là xã C) tỉnh Khánh Hòa. Tổng giá trị hợp đồng là 1.121.864.329 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT); có kèm theo bảng báo giá, trong trường hợp có phát sinh, thay đổi khối lượng thì hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng kèm theo. Công ty T1 đã nhận của ông Đ 70% giá trị hợp đồng với số tiền

785.000.000đồng. Sau khi ký hợp đồng, ngày 10/6/2022 Công ty T1 nhận được thông báo của Công ty G1 thông báo ngừng bán sản phẩm nhôm màu vàng xi mạ (tức màu nhôm ông Đ đã đặt theo hợp đồng). Công ty T1 đã gửi thông báo này cho ông Đ được biết.

Ngày 29/6/2022 Công ty T1 đã đến nhà ông Đ và mang theo mẫu mới (cùng một nhà máy N1 sản xuất), mẫu nhôm mang theo là mẫu gốc có tem nhôm chữ Soco, kèm theo catalogue và phụ kiện để ông Đ chọn lại và chốt màu nhôm. Thời điểm này có ông Đ và con rể ông Đ là ông Nguyễn Hữu K đã xem mẫu và chụp ảnh lại.

Ngày 05/12/2022, công ty tiếp tục đến nhà ông Đ có mang theo bản vẽ duyệt mẫu cùng ông Đ kiểm tra ô chờ và thống nhất chốt mẫu mã, quy cách để bên công ty T1 đặt hàng. Ông Đ đã xem và ký vào từng trang bản vẽ.

Sau đó, Công ty đã đặt sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu đặt hàng của ông Đ và mang đến để thi công tại công trình nhà ông Đ. Quá trình thi công lắp đặt có ông Đ và con rể là Nguyễn Hữu K giám sát. Đến ngày 02/01/2023 thì con gái ông Đ là Phạm Ngọc Tường V1 đã thông báo do mẫu nhôm không đúng hợp đồng nên yêu cầu ngừng thi công toàn bộ công trình. Ngày 16/01/2023 thì bên ông Đ đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên Công ty T1.

Việc ông Đ cho rằng công ty T1 cố tình giao và tự ý lắp đặt nhôm S là không đúng, bởi vì: Sau khi có thông báo ngừng bán sản phẩm nhôm màu vàng xi mạ của công ty G1 thì ngày 29/6/2022, công ty T1 đã có đến nhà ông Đ và đem theo mẫu mới (mẫu gốc, có tem nhôm chữ Soco) để ông Đ chọn lại và chốt màu. Ngày 05/12/2022, công ty đến nhà ông Đại Đ1 cùng ông Đ kiểm tra ô chờ, nhân viên công ty đã tư vấn, sau đó ông Đ đã ký vào từng trang bản vẽ duyệt mẫu, thể hiện chi tiết mặt cắt nhôm Soco. Bên công ty T2 là có nguyên nhân từ thông báo ngừng sản xuất nhôm màu xi mạ vàng chanh từ G, không phải tự ý hay cố tình tư vấn sang hệ T2; việc này ông Đ đã biết. Bên công ty có trình mẫu tư vấn 2 lần, lần thứ nhất xác nhận đặt hàng ngày 29/06/2022 và lần thứ hai ngày 05/12/2022 để chốt sản xuất. Bản vẽ duyệt mẫu và bảng báo giá là phần không thể tách rời hợp đồng đều đã được ông Đ ký xác nhận. Cụ thể, trên bản vẽ duyệt mẫu (tờ số 4, 6, 10, 18, 20,...) nhân viên công ty có ghi thêm điều chỉnh hệ nhôm, kính, phụ kiện kèm chữ ký ông Đại để ghi chú lại các chi tiết cần điều chỉnh. Điều đó chứng tỏ ông Đ đã được tư vấn, trao đổi kỹ càng. Việc trên bản vẽ có chữ Grober hệ Soco vì nhân viên kỹ thuật đặt tên như vậy để hiểu từ G chuyển qua dòng thanh nhôm S và bên góc phải bản vẽ nhân viên kỹ thuật có ghi thêm dòng chữ: Khung bao cửa sổ hệ Soco 94, khung cánh cửa sổ hệ Soco 65, ray hệ Soco 94, ... kèm với chi tiết mặt cắt rõ ràng về bề rộng, chiều cao, độ dày và các khoang bên trong. Điều này đúng với điều 1, mục 1.4 của Hợp đồng. Sau cùng, tất cả các hạng mục của công trình nhà ông Đ bên công ty đã trình bày mẫu mã và gửi bản vẽ, báo giá các phần phát sinh trước khi thi công. Như vậy, Công ty cũng đã giao và lắp đặt đúng hệ nhôm đã tư vấn và ông Đ đã ký xác nhận (đúng theo điều 1.2, điều 1.3, điều 1.4 của Hợp đồng). Ông Đ cho rằng việc ký từng trang bản vẽ chỉ là để xác nhận kích thước là không đúng. Bản vẽ sản xuất chỉ yêu cầu khách hàng chịu trách nhiệm về mẫu mã, quy cách cửa, còn về kích thước bên Công ty chịu trách nhiệm. Đó là lý do tại sao bản vẽ thực tế sản xuất đợt I không có chữ ký ông Đ là vì ông

Đ đã xác nhận tổng thể 1 lần rồi, kích thước thực tế do bên Công ty chịu trách nhiệm đo đạc theo thực tế. Việc ông Đại T cho rằng ông Đ đúng, còn công ty vi phạm hợp đồng nên đã tự ý thông báo chấm dứt hợp đồng là không có cơ sở. Do đó, ông Đ phải chịu mọi hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố như sau:

- Ông Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng nên ông Đ phải mất tiền cọc 785.000.000 đồng và phải chịu trách nhiệm thanh toán các hạng mục bên công ty T1 đã thi công, đặt hàng; bao gồm: Cửa nhôm, cầu thang, lan can: 342.605.716 đồng. Khối lượng nhôm đã đặt : 213.984.789 đồng (có chứng từ). Vật tư phụ: 31.984.000 đồng (có chứng từ). Tổng cộng: 342.605.716 đồng + 213.984.789 đồng + 31.984.000 đồng = 588.574.505 đồng.

- Ông Đ phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng:  $8\% \times 1.121.864.329 = 89.749.146$  đồng.

- Ông Đ phải bồi thường chi phí tổn thất vì loan tin công ty bán hàng không đúng hợp đồng, chi phí tổn thất tinh thần và đi lại làm hồ sơ tố tụng của nhiều nhân viên Công ty; cụ thể là 10% giá trị hợp đồng tương đương 112.000.000 đồng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K, bà Phạm Ngọc Tường V1 trình bày:* Thống nhất ý kiến của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ.

Bản án sơ thẩm số: 10/2025/DS-ST ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

Căn cứ các Điều 422, Điều 427, Điều 428 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 138, 139, 140, 141, 142, 143, 145, 146 Luật xây dựng. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ về việc:

- Chấm dứt hợp đồng kinh tế số: 080622-1/NR ngày 08/6/2022 về việc cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách nhôm kính giữa ông Phạm Ngọc Đ và Công ty T1.

- Buộc bị đơn Công ty T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ 196.425.495 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ về việc:

- Buộc bị đơn Công ty T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đại S1 tiền 588.574.505 đồng.

- Buộc bị đơn Công ty T1 chịu phạt 8% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 89.749.146 đồng.

- Buộc bị đơn Công ty T1 phải chịu lãi suất với số tiền lãi là 184.685.787 đồng và thanh toán chi phí phát sinh số tiền 5.000.000 đồng.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T1 về việc:

- Buộc nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ phải thanh toán cho bị đơn Công ty T1 số tiền 588.574.505 đồng. Nguyên đơn đã thanh toán đủ số này cho bị đơn.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T1 về việc:

- Buộc nguyên đơn phải chịu khoản tiền đặt cọc là 785.000.000 đồng.
- Buộc nguyên đơn phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 89.749.146 đồng.
- Buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại 10% giá trị hợp đồng tương đương 112.000.000đ.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/3/2025 và ngày 17/3/2025, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ và bị đơn công ty T1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- *Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ trình bày:* Việc bị đơn tự ý đổi sản phẩm từ hệ nhôm Grober sang hệ nhôm Soco là không được sự đồng ý của nguyên đơn; nguyên đơn thừa nhận đã được bị đơn thông báo về việc công ty G1 tạm dừng sản xuất đối với màu xi mạ vàng chanh do hay có tình trạng lệch màu và đã chọn lại màu khác. Việc nguyên đơn ký xác nhận từng trang tại bản vẽ thiết kế là nhằm mục đích xác định lại kích thước của sản phẩm đã đặt, mặc khác do tại các trang bản vẽ thiết kế đều ghi dòng chữ “Grober hệ Soco” nên càng làm cho nguyên đơn tin tưởng bị đơn đang thi công hệ nhôm Grober theo đúng hợp đồng đã ký kết, vì vậy việc ký xác nhận của nguyên đơn không đồng nghĩa với việc nguyên đơn đồng ý đổi từ hệ nhôm G (theo như hợp đồng đã ký kết) sang hệ nhôm Soco. Nguyên đơn chỉ tranh chấp với bị đơn về hệ nhôm; các sản phẩm khác hoặc phụ kiện kèm theo không liên quan đến hệ nhôm thì nguyên đơn không tranh chấp. Do vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án khu vực 1 – Khánh Hòa).

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Nguyên đơn đã tự ý chấm dứt hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết nên nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng phải chịu mất cọc, phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Mặt khác, đề nghị xem xét lại về chi phí tố tụng cũng như về án phí mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải chịu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 442.394.284 đồng và trả lại cho nguyên đơn khối lượng sản phẩm đã thi công đang đặt tại xưởng của bị đơn cụ thể: 05 tấm kính cong cầu thang dài 28,6m cường lực 10 ly nhãn hiệu Diệu Thúy thành phố Hồ Chí Minh; 21 tấm kính cửa sổ 25m<sup>2</sup> nhãn hiệu kính Cao Trung N; 01 thùng và 01 bó phụ kiện mái kính. Bị đơn có quyền sở hữu đối với số nhôm và vật tư đã đặt mua nhưng chưa thi công đang đặt

tại xưởng của bị đơn trị giá 84.167.200đồng. Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 03 và 17/3/2025, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ và bị đơn Công ty T1 kháng cáo bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa), kháng cáo trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**[2]** *Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:*

Ngày 08/6/2022, giữa ông Phạm Ngọc Đ và Công ty T1 xác lập hợp đồng kinh tế số 080622-1/NR về việc cung ứng và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách nhôm kính; địa chỉ lắp đặt là công trình nhà ở của ông Phạm Ngọc Đ - Quốc lộ A thôn B, xã C, huyện C (nay là xã C), tỉnh Khánh Hòa; kèm theo hợp đồng là bảng báo giá lập ngày 07/6/2022. Tổng giá trị hợp đồng là: 1.121.864.329 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT); ông Phạm Ngọc Đ đã thanh toán cho công ty T1 70% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 785.000.000 đồng. Theo đó, các bên thỏa thuận về quy cách sản phẩm là: (P1) hệ nhôm Grober 65 sơn xi mạ màu vàng chanh, trường hợp có phát sinh, thay đổi khối lượng thì bên nguyên đơn có trách nhiệm ký xác nhận trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên công ty T1 cung cấp báo giá + bản vẽ phát sinh để làm căn cứ thực hiện công việc và là phần không thể tách rời của hợp đồng. Như vậy, việc hai bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật; do đó, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải tôn trọng và thực hiện nghĩa vụ của mình như đã giao kết.

Tuy nhiên, chỉ sau 03 ngày ký hợp đồng nêu trên thì ngày 11/6/2022 công ty T1 nhận được thông báo của công ty TNHH G1 về việc ngừng sản xuất nhôm màu xi mạ vàng chanh do thường xảy ra tình trạng lệch màu và đã thông báo cho nguyên đơn biết việc này. Ngày 29/6/2022, bị đơn đã đến nhà nguyên đơn mang theo mẫu mới bao gồm mẫu gốc có tem chữ Soco, catalogue và phụ kiện để nguyên đơn lựa chọn. Tiếp đến ngày 05/12/2022, bị đơn đến nhà nguyên đơn mang theo bản vẽ duyệt mẫu, để cùng bị đơn kiểm tra ô chờ và thống nhất chốt mẫu, quy cách để bị đơn đặt hàng sản xuất. Nguyên đơn đã xem và ký xác nhận vào từng trang bản vẽ duyệt mẫu. Như vậy, trong quá trình hợp đồng có sự phát sinh, thay đổi bị đơn đã cùng nguyên đơn chọn mẫu, tiến hành đo đạc, thống nhất bản vẽ thiết kế duyệt mẫu để từ đó làm căn cứ cho bị đơn đặt hàng và thi công sản phẩm bên nguyên đơn đều thống nhất, chứng kiến kể cả khi sản phẩm được tập kết tại nhà nguyên đơn và được lắp đặt dưới sự giám sát của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không có ý kiến phản đối mà vẫn để bị đơn tiến hành lắp đặt theo thỏa thuận. Việc nguyên đơn cho rằng thiếu hiểu biết, tin tưởng bị đơn và việc ký xác nhận vào từng trang bản vẽ là để xác nhận kích thước từ đó cho rằng bị đơn tự ý giao sản phẩm và lắp đặt sản phẩm không đúng hợp đồng là không có cơ sở.

Còn về phía bị đơn, lẽ ra khi có sự thay đổi về quy cách sản phẩm theo như thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì cần phải ký kết phụ lục hợp đồng; mặt khác trên thực tế giữa công ty TNHH G1 và Công ty cổ phần T3 (yongxing) tuy có ký hợp đồng hợp tác sản xuất thanh nhôm nhưng chỉ có tên sản phẩm G hệ 55, Grober hệ 65 và Grober hệ 75 mà không có bất kỳ sản phẩm nào thuộc nhôm Grober hệ soco. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận: nhân viên kỹ thuật đã tự đặt tên sản phẩm “Grober hệ soco” và tên gọi này được thể hiện trên bản vẽ duyệt mẫu. Vì vậy, việc tự ý đặt tên cho sản phẩm nêu trên của bị đơn đã gây ra sự nhầm lẫn cho nguyên đơn.

Do đó, việc hợp đồng kinh tế số 080622-1/NR không thể tiếp tục thực hiện được thuộc về lỗi cả hai bên và thực tế các bên đã chấm dứt hợp đồng nêu trên. Ngoài ra, số tiền 785.000.000 đồng là tiền nguyên đơn thanh toán cho bị đơn 70% giá trị hợp đồng đã ký kết chứ không phải là số tiền đặt cọc nên các yêu cầu phạt cọc, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận:

- Tổng khối lượng, giá trị sản phẩm mà bị đơn đã thi công lắp đặt vào công trình và sản phẩm đã sản xuất theo thỏa thuận của hai bên là 342.605.716 đồng (*Trong đó có: 05 tấm kính cong cầu thang dài 28,6m; cường lực 10 ly nhãn hiệu Diệu Thúy thành phố Hồ Chí Minh; 21 tấm kính cửa sổ 25m<sup>2</sup> nhãn hiệu kính Cao Trung N; 01 thùng + 01 bó phụ kiện mái kính hiện đang đặt tại kho xưởng của bị đơn*).

- Khối lượng nhôm đã đặt và phụ kiện nhưng chưa thi công đang đặt tại kho xưởng của bị đơn có trị giá: 84.167.200đồng.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định nguyên đơn phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng, giá trị sản phẩm mà bị đơn đã thi công lắp đặt vào công trình và sản phẩm đã sản xuất theo thỏa thuận của hai bên nên nguyên đơn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền 342.605.716 đồng; bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng, giá trị nhôm, phụ kiện kèm theo đã đặt nhưng chưa thi công với số tiền 84.167.200đồng. Vì nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn 785.000.000 đồng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 785.000.000 đồng - 342.605.716 đồng = 442.394.284 đồng và có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn: 05 tấm kính cong cầu thang dài 28,6m; cường lực 10 ly nhãn hiệu Diệu Thúy thành phố Hồ Chí Minh; 21 tấm kính cửa sổ 25m<sup>2</sup> nhãn hiệu kính Cao Trung N; 01 thùng + 01 bó phụ kiện mái kính hiện đang đặt tại kho xưởng của bị đơn. Bị đơn được quyền sở hữu đối với khối lượng nhôm đã đặt và phụ kiện nhưng chưa thi công đang đặt tại kho xưởng của bị đơn có trị giá: 84.167.200đồng.

**[3]** Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000đồng và nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ khoản tiền này; Do các bên đương sự không thỏa thuận được và theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu 700.000đồng chi phí tố tụng; bị đơn phải hoàn trả 700.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định.

**[4]** Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, ông Phạm Ngọc Đ phải chịu 28.881.626 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 17.700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011333 ngày 6/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang nên nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ còn phải nộp 11.181.626 đồng (*Mười một triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu 29.765.737 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 29.629.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000215 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 còn phải nộp 136.737 đồng (*Một trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

#### 4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003973 ngày 21/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

H lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003943 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 422, 427, 428 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, 139, 140, 141, 142, 143, 145, 146 Luật xây dựng.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### *Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn T1; Sửa bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ về việc:

- Chấm dứt hợp đồng kinh tế số: 080622-1/NR ngày 08/6/2022 về việc cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách nhôm kính giữa ông Phạm Ngọc Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

- Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ 442.394.284 đồng (*Bốn trăm bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bốn đồng*).

- Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ số lượng sản phẩm gồm: 05 tấm kính cong cầu thang dài 28,6m;

cường lực 10 ly nhãn hiệu Diệu Thúy thành phố Hồ Chí Minh; 21 tấm kính cửa sổ 25m<sup>2</sup> nhãn hiệu kính Cao Trung N; 01 thùng + 01 bó phụ kiện mái kính hiện đang đặt tại kho xưởng của bị đơn.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 được quyền sở hữu khối lượng nhôm đã đặt và phụ kiện nhưng chưa thi công đang đặt tại kho xưởng của bị đơn có trị giá: 84.167.200đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ về việc: Buộc bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đại S1 tiền 342.605.716 đồng; chịu phạt 8% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 89.749.146đồng; tiền lãi là 184.685.787 đồng và khoản chi phí phát sinh số tiền 5.000.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 về việc: Buộc nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ phải thanh toán cho bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền 342.605.716 đồng (*nguyên đơn đã thanh toán đủ số này cho bị đơn*).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 về việc: Buộc nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ phải chịu khoản tiền 442.394.284 đồng; chịu phạt 8% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 89.749.146 đồng; bồi thường thiệt hại 10% giá trị hợp đồng tương đương 112.000.000đồng.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đại S1 tiền 700.000 đồng. (*các đương sự đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*).

#### 6. Về án phí :

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ phải chịu 28.881.626 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 17.700.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011333 ngày 6/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang nên nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ còn phải nộp 11.181.626 đồng (*Mười một triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003973 ngày 21/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. (*Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm*).

H lại cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc Đ 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003943 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

#### \* Quy định:

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hạng**